TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 26-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Lan.

Ông Lê Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Bà Cù Ngọc Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2017/TLST-HS, ngày 17 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 50/TB-TA ngày 02/02/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/HSST-QĐ ngày 12/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/HSST-QĐ ngày 12/3/2018,đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T - sinh năm: 1991; nơi cư trú: Khóm An Th A, phường An L, thị xã Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lê Thị H. Tiền sự: Ngày 27/7/2017 bị Ủy ban nhân dân phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt hành chính giáo dục tại xã phường về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Tiền án: Ngày 15/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 3 năm tù về tội "Cướp tài sản", đến ngày 30/8/2013 chấp hành xong hình phạt; ngày 14/5/2015 bị Tòa án thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" đến ngày 29/01/2016 chấp hành xong hình phạt. Ngày 05/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Bị hại:

1- Ông Phạm Minh H (K) - sinh năm 1978; cư trú tại: ấp Phú H 1, xã Lê Ch, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

2- Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1977; cư trú tại: khóm Long H, phường Long Ch, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang. (Có mặt).

3- Ông Lê Trung H – sinh năm 1973; cư trú tại: khóm Long Th D, phường Long Th, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

4- Anh Trần Nam T – sinh năm 1995; cư trú tại: ấp Phú A, xã Phú V, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị D – sinh năm 1971; cư trú tại: khóm 2, phường Châu Ph A, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 05/8/2017, Nguyễn Tấn T rủ Th (không biết tên thật và địa chỉ cụ thể) đi tìm tài sản lấy trộm. Sau đó, Th điều khiển xe môtô chở T đi đến khu vực ấp Phú H 1, xã Lê Ch, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang, T đi bộ đến trại vịt của anh Phạm Minh H, quan sát xung quanh thấy không có ai trông giữ, T đi vào bắt trộm 01 con vịt bỏ vào bao nilon đem ra ngoài. Lúc này, chị Nguyễn Thị G (chị của H) đi đến, sợ chị G phát hiện nên T nói dối là đang uống rượu với anh H và anh H kêu bắt vịt để làm thịt ăn, rồi giả vờ lấy con vịt từ trong bao nilon ra để lên cân và kêu chị G tính tiền. Chị G nghỉ Tài nói thật nên không tính tiền, T lấy con vịt bỏ vào bao nilon, rồi nhanh chóng đi về nơi Thuận đang đứng đợi. Sau đó, chị Gái nghi vấn T lấy trộm vịt, nên nói cho anh Phạm Minh Ph (chồng chị G) biết sự việc trên và đến Công an xã Lê Ch trình báo.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 28/8/2017, Nguyễn Tấn T đi bộ đến khu vực khóm Long Hưng, phường Long Ch, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang, để tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, T nhìn thấy xe mô tô, biển số 67D1 - 093.73 loại xe Wave, màu vàng của anh Nguyễn Văn S đang dựng dưới sàn nhà, quan sát xung quanh thấy không có ai và xe không có khóa, T liền đi đến dẫn xe mô tô đi về hướng bến phà Mương Miễu, rồi lên phà đi qua huyện Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp, T dẫn xe mô tô đến cửa hàng sửa xe của anh Trần Văn Ch. Tại đây, T nói bị mất chìa khóa xe và nhờ anh Ch thay ổ khóa xe khác, nghỉ T nói thật nên anh Ch đồng ý thay ổ khóa xe và tính tiền 150.000 đồng. Khi anh Ch thay ổ khóa xe xong, T không có tiền trả nên lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 67D1 - 093.73 trong yên xe đưa cho anh Ch giữ và nói, khi nào có tiền sẽ đến trả cho anh Ch, sau đó, T điều khiển xe đi đến cửa khẩu Dinh Bà thuộc huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, T bán xe mô tô cho anh Xà Rum (người Campuchia, không biết tên thật và địa chỉ) với giá 2.000.000 đồng, bán xe xong, T đi xe buýt về huyện Hồng Ng và đến

trả cho anh Ch 150.000 đồng, T lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67D1 - 093.73 rồi ném bỏ trên đường đi về nhà, số tiền bán xe mô tô lấy trộm được T mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 04/9/2017, Nguyễn Tấn T đi bộ đến Tịnh Xá Ngọc Châu ở khóm Long Th D, phường Long Th, thị xã Tân Ch, để tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, T nhìn thấy xe mô tô biển số 67H1 - 319.70 loại xe Wave, màu xanh của anh Lê Trung H đang dựng trong bếp Tịnh Xá Ngọc Châu và chìa khóa đang gắn trong xe, quan sát xung quanh thấy không có ai, T liền dẫn xe mô tô của anh H đi ra ngoài cổng, khởi động máy và điều khiển xe chạy đi. Lúc này, anh H phát hiện truy hô lên, nhưng không đuổi theo kịp. T điều khiển xe mô tô của anh H đến cửa hàng cầm đồ Thiên Ph ở khóm 2, phường Châu Ph A, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang, cầm xe mô tô cho chị Huỳnh Thị D với giá 2.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra giấy đăng ký xe, chị D đồng ý nhận cầm. Số tiền cầm xe T mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Lần thứ tư: Khoảng 09 giờ ngày 05/9/2017, Nguyễn Tấn T cùng với Ph (không biết tên thật và địa chỉ cụ thể) đi bộ đến khóm Long Th A, phường Long Th, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang để tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, T và Ph nhìn thấy mô tô biển số 67U2 - 0206 loại xe Wave, màu đỏ, đang dựng cặp lề đường, quan sát xung quanh thấy không có ai để ý, T liền đi đến khởi động máy xe mô tô biển số 67U2 - 0206 rồi chở Phương đi đến thành phố Châu Đ để bán xe. Khi qua phà Châu Giang, Tài đưa xe mô tô cho Ph đem đi bán. Khoảng 01 giờ sau, Ph gặp T và nói bán xe ở huyện Tịnh B, nhưng không nói bán xe được bao nhiêu tiền, Ph đưa ra 07 tép ma túy nên T biết Ph bán xe mua được 07 tép ma túy với giá 700.000 - 800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- Một con vịt, lông màu trắng, cân nặng 2,7 kg.
- Một bao nilon màu trắng, trên bao có dòng chữ "Đạm cà mau" và "Hạt ngọc vàng" loại bao 50 kg (đã qua sử dụng).
- Một xe mô tô nhãn hiệu WAMUS, màu xanh, đen, bạc, số máy: 2FMHWM015260, số khung HOND91Y15260, biển số 67H1 - 319.30 (đã qua sử dụng).
- Một giấy đăng ký xe mô tô, biển số 67H1-319.30, số máy: 2FMHWM015260, số khung HOND91Y15260
- Một giấy biên nhận hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản xe mô tô, biển số 67H1 - 319.30 của cửa hiệu cầm đồ Thiên Phúc.
- Tiền Việt Nam 200.000 đồng.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 26 ngày 22/8/2017; số 35 ngày 06/9/2017; số 47 ngày 12/10/2017 và số 62 ngày 18/9/2017, của Hội đồng định giá tài sản, trong tố tụng hình sự thị xã Tân Châu, kết luận:

1/ - Một con vịt, lông màu trắng, cân nặng 2,7 kg. Trị giá: 45.000 đồng/kg x 2,7 kg = 121.500 đồng.

- Một bao nilon màu trắng, trên bao có dòng chữ "Đạm cà mau" và "Hạt ngọc vàng" loại bao 50 kg (đã qua sử dụng). Giá trị còn lại, trị giá: 1.000 đồng. *Tổng cộng: 122.500 đồng.*

2/ - Một xe mô tô biển số 67D1 - 093.73, màu xanh - đen - bạc, loại Wave alpha bụng, nhãn hiệu Honda, số máy: HC12E2999290, số khung: BY199250 (đã qua sử dụng). Giá trị còn lại, trị giá: 7.000.000 đồng.

3/- Một xe mô tô nhãn hiệu WAMUS, màu xanh, đen, bạc, số máy: 2FMHWM015260, số khung HOND91Y15260, biển số 67H1 - 319.30 (đã qua sử dụng). Giá trị còn lại, trị giá: 3.500.000 đồng.

4/ - Một xe mô tô biển số 67U2 - 0260 màu đỏ, nhãn hiệu FERROLI, số máy 043187, số khung 43187 (đã qua sử dụng). Giá trị còn lại, trị giá: 3.500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi liên quan và nhân chứng trình bày như sau:

Các ông Phạm Minh H, Nguyễn Văn S, Lê Trung H, anh Trần Nam T và chị Huỳnh Thị D trình bày phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Ông Phạm Minh H và ông Lê Trung H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, ông S yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông 7.000.000 đồng, anh T yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho anh 3.500.000 đồng, chị D yêu cầu bị cáo T trả lại cho chị 2.000.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân châu, tỉnh An Giang, truy tố Nguyễn Tấn T tại cáo trạng số 01/VKS-HS ngày 14/12/2017, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tấn T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015: Xử lý vật chứng hiện đang thu giữ trong vụ án và buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn S 7.000.000 đồng, anh Trần Nam T 3.500.000 đồng và trả lại cho chị Huỳnh Thị D 2.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tấn T có ý kiến thống nhất với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Châu, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn T khai nhận do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên từ ngày 05/8/2017 đến ngày 5/9/2017, bị cáo T đã thực hiện 4 lần trộm cắp tài sản như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Tấn T hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi lén lút lấy trộm tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn T đã thực hiện, là hành vi nguy hiểm cho xã hội và có đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Trộm cắp tài sản" quy định trong Bộ luật hình sự. Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015, HĐXX kết luận bị cáo Nguyễn Tấn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo; các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản của công dân là do công sức của họ tạo ra hoặc do nguồn thu nhập hợp pháp khác mà họ có được, nên tài sản riêng của công dân luôn được mọi người tôn trọng và được pháp luật bảo vệ, những hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản riêng công dân thì sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Tấn T đang đứng trước Tòa hôm nay là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được việc "Trộm cắp tài sản" là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính tham lam, nghiện ngập ma túy, chay lười lao động và xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", đây cũng là nguyên nhân và là động cơ phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các ông Phạm Minh H, Nguyễn Văn S, Lê Trung H và anh Trần Nam T, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo T đang có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không chịu tu sửa bản thân mà lại tiếp tục thực hiện nhiều lần "Trộm cắp tài sản" nên bị cáo phạm tội có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là "Phạm tội hai lần trở lên" và "Tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1

Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo T, để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung loại tội phạm này ở địa phương.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn T có thái độ thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị không lớn; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, HĐXX có xem xét giảm nhẹ một phần về trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Qua xem xét các tình tiết nêu trên HĐXX thấy cần xử phạt tù bị cáo Nguyễn Tấn T ở mức thấp trong khung hình phạt của điều luật bị cáo bị xét xử là phù hợp với pháp luật và cũng tương xứng với việc phạm tội của bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo T bồi thường 7.000.000 đồng trị giá chiếc xe mô tô bị cáo đã lấy trộm của ông, anh Trần Nam T yêu cầu bị cáo bồi thường 3.500.000 đồng trị giá chiếc xe mô tô bị cáo đã lấy trộm của anh và chị Huỳnh Thị D yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị 2.000.000 đồng tiền cầm xe. Xét thấy yêu cầu của ông S, anh T và chị D là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận. Các ông Phạm Minh H và Lê Trung H không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên HĐXX không đề cặp giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Số tiền 200.000 đồng hiện đang thu giữ trong hồ sơ vụ án, là khoản tiền liên quan trong việc bị cáo cầm xe mô tô cho chị chị Huỳnh Thị D, nên cần tuyên trả lại cho chị D. Đối với Tờ hợp đồng cầm cố tài sản hiện đang thu giữ trong vụ án do không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo khó khăn về kinh tế, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù bị cáo Nguyễn Tấn T đang

chấp hành bản án số 25/2017/HSST ngày 05/12/2017, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, thì hình phạt chung bị cáo Nguyễn Tấn T phải chấp hành là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính tính từ ngày 06/10/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn S 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), anh Trần Nam T 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn).

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải trả lại cho chị Huỳnh Thị D 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khấu trừ từ với số tiền 200.000 đồng hiện đang thu giữ trong vụ án thì bị cáo T phải trả thêm cho chị Huỳnh Thị D 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn).

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 giấy biên nhận hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản xe mô tô biển số 67H1-31930 của hiệu cầm đồ "Thiên Phúc" do Trần Thanh H đứng ra cầm ngày 04/9/2017.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu đang quản lý (theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 19/3/2018).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí bị cáo T phải nộp là 825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm nghìn).

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Cơ quan điều tra, CA TX.Tân Châu;
- Nhà tạm giữ, CA TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Bình